CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔLA MỸ CẢ NƯỚC
Tháng 01 năm 2020

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2020 SO VỚI		
	Kỳ gốc năm 2014	*Tháng 01 năm 2019*	*Tháng 12 năm 2019*
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	**118,09**	**106,43**	**101,23**
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	120,90	110,93	102,29
1- Lương thực	109,00	101,10	100,79
2- Thực phẩm	123,94	114,45	102,60
3- Ăn uống ngoài gia đình	119,61	107,41	102,26
II, Đồ uống và thuốc lá	110,48	102,24	100,65
III, May mặc, mũ nón, giầy dép	108,49	101,43	100,33
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	115,55	106,29	101,47
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	108,45	101,45	100,27
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	217,79	103,14	100,17
Trong đó: Dịch vụ y tế	269,67	103,70	100,19
VII, Giao thông	93,64	107,50	100,69
VIII, Bưu chính viễn thông	96,41	99,36	99,97
IX, Giáo dục	140,18	104,11	100,02
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	145,85	104,14	100,01
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	107,29	101,63	100,25
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	116,28	103,73	100,92
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	**129,03**	**118,64**	**104,37**
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	**108,06**	**99,65**	**100,02**
LẠM PHÁT CƠ BẢN(**)		**3,25**	**0,76**

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng.

(**) Lạm phát cơ bản theo thước đo CPI loại trừ lương thực-thực phẩm; năng lượng và mặt hàng do NN quản lý bao gồm dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục (CPIxFEAHE)